

Số: 12/2021/QĐST-HNGĐ

T H, ngày 29 tháng 01 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
C1 NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN T H, THÀNH PHỐ H N**

Căn cứ Điều 212, 213 và Điều 397 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30.12.2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 21 tháng 01 năm 2021.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự sơ thẩm thụ lý số 01/2021/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2021 về việc yêu cầu C1 nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Nh Lê Quốc L, sinh năm 1988.

- Chị Vũ Thị T H, sinh năm 1988.

Cùng Hộ khẩu thường trú: A22 tổ 4, cụm 1, phường X L, quận T H, TP H N;
Cùng trú tại: Phòng 406, chung cư CT1A, ngõ 126 V C C1, phường X L, quận T H, TP H N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nh Lê Quốc L và chị Vũ Thị T H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu, đăng ký kết hôn ngày 19/9/2011 tại Ủy ban nhân dân phường X L, quận T H, H N, xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Nh, chị cùng xác nhận sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong quản lý, lối sống. Nh, chị cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án C1 nhận thuận tình ly hôn. Đơn yêu cầu C1 nhận thuận tình ly hôn của Nh L, chị H là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[2] Về con chung: Nh L và chị H có 02 con chung là Lê Vũ H1 N, sinh ngày 02/12/2012 và Lê Vũ H1 M, sinh ngày 18/6/2017.

Nh chị thỏa thuận sau ly hôn giao con chung Lê Vũ H1 N cho Nh L trực tiếp nuôi dưỡng, giao con chung Lê Vũ H1 M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung thành niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Các bên không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[3] Về tài sản, nH ở, C1 nợ chung: Chị H, Nh L cùng xác nhận Nh, chị không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về lệ phí: Nh L tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm Nh L đã nộp tại biên Li nộp tiền tạm ứng án phí số 000... ngày 28/12/2020 tại Chi cục Thi Hành án dân sự quận T H.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không tHnh, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. C1 nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quN hệ hôn nhân: Nh Lê Quốc L và chị Vũ Thị T H thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Nh L và chị H có 02 con chung là Lê Vũ H1 N, sinh ngày 02/12/2012 và Lê Vũ H1 M, sinh ngày 18/6/2017.

Giao Nh Lê Quốc L trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Vũ H1 N, giao chị Vũ Thị T H trực tiếp nuôi dưỡng cháu Lê Vũ H1 M đến khi con chung tHnh niên, đủ 18 tuổi hoặc khi có quyết định thay đổi khác. Các bên không pH1 cấp dưỡng nuôi con cho nhau và được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản, nH ở, C1 nợ chung: Chị H, Nh L cùng xác nhận Nh, chị không có, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xét.

2. Về lệ phí Tòa án: Nh L tự nguyện nộp toàn bộ 300.000đồng lệ phí ly hôn sơ thẩm Nh L đã nộp tại biên Li nộp tiền tạm ứng án phí số 000... ngày 28/12/2020 tại Chi cục Thi Hành án dân sự quận T H.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được bN Hnh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND quận T H;
- UBND phường X L, quận T H, HN
(đăng ký kết hôn số 92/2011);
- Lưu H sơ.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị Vân Nh

TÒA ÁN NHÂN DÂN.....⁽¹⁾

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/...../QĐST-HNGĐ⁽²⁾

....., ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

C1 NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN

VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN

Căn cứ⁽³⁾..... Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ⁽⁴⁾..... Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy bN Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu H sơ việc dân sự thụ lý số...../...../TLST-HNGĐ⁽⁵⁾ ngàythángnăm..... về việc yêu cầu C1 nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:⁽⁶⁾.....

.....

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:⁽⁷⁾.....

.....

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:⁽⁸⁾

[1].....

.....

[2].....

.....

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. C1 nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quN hệ hôn nhân:

.....

- Về con chung:

.....

- Về tài sản chung:

.....

- Về các vấn đề khác:.....

.....

2. Về lệ phí Tòa án:

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được bN Hnh và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quN đã thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu: H sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Ký tên, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31-VDS:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, tHnh phố thuộc tỉnh, tHnh phố trực thuộc trung ương thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, tHnh phố thuộc tỉnh, tHnh phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Thường Tín, tHnh phố H N); nếu là Tòa án nhân dân tỉnh, tHnh phố trực thuộc trung ương thì ghi Tòa án nhân dân tỉnh (tHnh phố) đó (ví dụ: Tòa án nhân dân tỉnh H Nam).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra Quyết định.

(3) và (4) Ghi điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tổ tụng dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình.

(5) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm thụ lý việc hôn nhân và gia đình.

(6) Ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú của người yêu cầu;

(7) Nếu là cá nhân thì ghi rõ họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc (nếu có) của người đó; nếu là cơ quN, tổ chức thì ghi tên cơ quN, tổ chức và địa chỉ trụ sở của cơ quN, tổ chức đó.

(8) Ghi nhận định của Tòa án về những N dung mà các đương sự thỏa thuận được theo Biên bản hòa giải đoàn tụ không tHnh. Trong phần này, các đoạn văn được đánh số thứ tự trong dấu [].